

Bản án số: 600/2020/HC-PT
Ngày 29 - 9 - 2020
V/v: *Khiếu kiện quyết định hành
chính, hành vi hành chính*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Các Thẩm phán: Ông Vũ Ngọc Huynh

Ông Lê Thành Long

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Mai Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Minh Sơn - Kiểm sát viên.

Trong các ngày từ ngày 24 tháng 9 đến ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 518/2019/TLPT-HC ngày 09 tháng 9 năm 2019 về việc: “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 584/2019/HC-ST ngày 04 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3652/2020/QĐPT-HC ngày 18 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Cao Ngô Thị Tuyết A

Địa chỉ thường trú: 83/5 Khu phố 1, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: số 280 Quốc lộ 1, khu phố D, phường Đ, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Lê Quang F.

Địa chỉ thường trú: G, H, Bình Định.

Địa chỉ liên lạc: 26A I, phường J, K, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Giấy ủy quyền số công chứng 014638 lập ngày 16/7/2018 tại Văn phòng Công chứng L, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Phạm Văn M - Luật sư Công ty Luật N - Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 2/304 O, phường P, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc Q - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo Giấy ủy quyền số 1730/UBND lập ngày 02/6/2020)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

1/ Ông Hoàng Văn R – Phó Trưởng Ban bồi thường giải phóng mặt bằng Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Ông Nguyễn Thanh S – Phó Trưởng phòng Nghiệp vụ 1 - Ban bồi thường giải phóng mặt bằng Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Người khởi kiện Bà Cao Ngô Thị Tuyết A

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện Bà Cao Ngô Thị Tuyết A và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là ông Lê Quang F trình bày ý kiến:

Nguồn gốc đất: Bà Cao Ngô Thị Tuyết A là con của bà Cao Thị T. Năm 1978, bà T khai phá và sử dụng đất. Đến năm 1992 khi bà A lấy chồng thì bà T cho căn nhà và đất, gia đình bà A ở từ đó đến nay, được chính quyền địa phương xét duyệt.

Ngày 29/9/2011, Ủy ban nhân dân Quận E ban hành Quyết định số 1912/QĐ-UBND về việc công bố giá trị bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho gia đình bà A. Theo nội dung Quyết định số 1912/QĐ-UBND gia đình bà A bị thu hồi 98 m² nhà ở, đất ở và các công trình phụ trên đất tại số 280 Quốc lộ 1, tổ 4, khu phố D, phường Đ, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh với giá bồi thường đất ở là 1.200.000 đồng/m² (kèm theo bảng chiết tính) với tổng số tiền được đền bù là 12.551.000 đồng. Việc áp giá trên là tùy tiện không có căn cứ và không đúng chính sách đền bù cho dự án được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt, nên gia đình đã làm đơn khiếu nại từ năm 2011 đến năm 2016.

Ngày 14/3/2016, Ủy ban nhân dân Quận E ban hành Quyết định số 79/QĐ-UBND nâng số tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho gia đình bà A từ 12.551.000 đồng lên 1.104.762.000 đồng. Ngoài ra, qua kiểm tra lại Phương án số 06/PABT-HĐBT ngày 13/01/2011 đã được phê duyệt của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thì giá đất của bà A được bồi thường là 14.600.000 đồng/m², nhưng Quyết định số 79/QĐ-UBND lại trừ đi 100% tiền sử dụng đất của 98 m² đất ở. Bà A không đồng ý về việc trừ 100% tiền sử dụng đất vì phần đất bị thu hồi này mẹ bà đã sử dụng từ trước những năm 1980.

Ngày 18/3/2016 bà A được giao Quyết định số 79/QĐ-UBND ngày 14/3/2016 về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho gia đình bà A, sau đó gia đình bà A có đến Ban bồi thường giải phóng mặt bằng Quận E yêu cầu chi trả

tiền bồi thường theo quyết định trên nhưng Ủy ban nhân dân Quận E không chi trả vì lý do chưa có tiền (Theo biên bản làm việc ngày 20/9/2016 của Ban bồi thường Quận E). Đến ngày 12/7/2017 bà A mới được Ủy ban nhân dân Quận E giao số tiền bồi thường theo Quyết định 79/QĐ-UBND. Căn cứ Điều 2 Quyết định số 79/QĐ-UBND ngày 14/3/2016 việc không chi trả tiền bồi thường cho bà A từ ngày 18/3/2016 bà A nhận Quyết định bồi thường số 79/QĐ-UBND cho đến ngày bà nhận tiền bồi thường (ngày 12/7/2017) đã gây thiệt hại đến quyền lợi của bà A.

Vì những lý do trên, bà A yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết;

- Hủy một phần Quyết định số 79/QĐ-UBND ngày 14/3/2016 về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho gia đình bà A về dự án đầu tư xây dựng công trình O mở rộng vì đã trừ 100% tiền sử dụng đất.

- Buộc Ủy ban nhân dân Quận E phải trả số tiền 100% tiền sử dụng đất đã trừ của bà A theo Quyết định số 79/QĐ-UBND ngày 14/3/2016.

- Buộc Ủy ban nhân dân Quận E phải trả tiền lãi chậm trả theo quy định pháp luật trên số tiền bồi thường kể từ ngày 18/3/2016 cho đến ngày 12/7/2017.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân Quận E có văn bản trình bày ý:

Phần diện tích đất thu hồi của hộ Bà Cao Ngô Thị Tuyết A là 98 m² thuộc một phần thửa 6 tờ bản đồ số 62 tài liệu 2003 do Bà Cao Ngô Thị Tuyết A đăng ký, đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; đối chiếu tài liệu 299/TTg thuộc một phần thửa 415 tờ bản đồ số 02 do Ủy ban nhân dân xã Đ đăng ký; Đối chiếu tài liệu 02/CT-UB thuộc một phần thửa 46 tờ bản đồ số 01 do Nghĩa trang Thành phố đăng ký;

Ngày 05/7/2011, Tổ công tác tiến hành kiểm kê đất đai, tài sản, hoa màu của hộ Bà Cao Ngô Thị Tuyết A và ghi nhận: Diện tích thu hồi 98 m² thuộc một phần thửa số 6, tờ bản đồ 62 (tài liệu 2003), phường Đ, vị trí mặt tiền đường O (bà A có ký tên vào Biên bản kiểm kê).

Ngày 01/8/2011, Hội đồng xét nguồn gốc đất tại Ủy ban nhân dân phường Đ kết luận về nguồn gốc đất hộ Bà Cao Ngô Thị Tuyết A như sau:

- Đất công do bà T chiếm dụng năm 1994, sau năm 1994 và trước năm 1999 bà T cho lại con là Bà Cao Ngô Thị Tuyết A xây dựng nhà đến nay.

- Thời điểm xây dựng: Năm 1998.

- Đăng ký kê khai nhà đất năm 1999 do bà A đăng ký

**** Về pháp lý thực hiện bồi thường, hỗ trợ:***

- Ngày 03/6/2002, Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định số 2340/QĐ-UB về việc giao đất cho Công ty Dịch vụ Phát triển Đô thị để đầu tư xây dựng tuyến đường Bắc - Nam O trên địa bàn Quận V, Quận E và quận W.

- Ngày 29/12/2000, Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định số 75/2000/QĐ-UB-NC về sửa đổi, bổ sung quy định đền bù, hỗ trợ thiệt hại và tái

định cư trong dự án đầu tư xây dựng khu nhà hai tuyến đường U - O trên địa bàn Quận V, Quận E và quận W.

- Ngày 28/9/2007, Ủy ban nhân dân Thành phố có Công văn số 6487/UBND-ĐTMT về giải quyết các dự án đang bồi thường dở dang theo Nghị định 22/1998/NĐ-CP. Trong đó, chấp thuận theo đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 9025/STC- BVG ngày 04 tháng 9 năm 2007.

Từ cơ sở nêu trên, ngày 29/9/2011, Ủy ban nhân dân Quận E ban hành Quyết định số 1912/QĐ-UBND về việc công bố giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của hộ Bà Cao Ngô Thị Tuyết A với số tiền 12.551.000 đồng và hộ bà A không đủ điều kiện tái định cư; trong đó: hỗ trợ đất ở mặt tiền O là $200 \text{ m}^2 \times 1.200.000 \text{ đồng} \times 10\%$ và hỗ trợ vật kiến trúc bằng 10% đơn giá.

Ngày 4/10/2011, Ủy ban nhân dân Quận E ban hành Quyết định số 1949/QĐ-UBND về việc công bố giá trị hỗ trợ lãi suất tiền gửi ngân hàng của hộ bà Cao Ngô Thị Tuyết A với số tiền 17.138.000 đồng.

Các hộ dân tiếp tục khiếu nại và để đảm bảo tiến độ giải phóng mặt bằng của dự án, ngày 09/9/2015 Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố có Thông báo số 705/TB-VP về việc kết luận của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố kiến nghị liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại đối với 18 hộ dân khu vực Nghĩa trang Liệt sỹ Thành phố bị ảnh hưởng bởi dự án xây dựng hai tuyến đường U O Quận E; trong đó chấp thuận nội dung đề xuất của Hội đồng thẩm định bồi thường Thành phố tại Công văn số 632/HĐTĐBT-TTr ngày 22/7/2015: *“Giao Ủy ban nhân dân Quận E hiệp thương với 18 hộ này theo chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án Quốc lộ 1 và chi trả, thu hồi mặt bằng đối với các hộ dân đồng thuận”*

Sau đó, Ủy ban nhân dân Quận E có tiếp xúc với hộ bà A và bà A đồng ý bồi thường hỗ trợ theo chính sách của dự án Quốc lộ 1 để nhận tiền và bàn giao mặt bằng.

** Bồi thường, hỗ trợ về đất:*

Ngày 26/4/2014, Hội đồng xét nguồn gốc đất tại Ủy ban nhân dân phường Đ kết luận về nguồn gốc đất hộ Bà Cao Ngô Thị Tuyết A như sau:

“ - Đất công do Nhà nước quản lý, bà Cao Thị T chiếm dụng sau năm 1980 trước 15/10/1993. Sau đó cho lại con là Bà Cao Ngô Thị Tuyết A sử dụng đến nay.

- Thời điểm xây dựng: Sau năm 1993 trước ngày 22 tháng 4 năm 2002”

Căn cứ điểm b mục 2 Công văn số 37/HĐTĐBT-TTr ngày 19/01/2015 của Hội đồng thẩm định bồi thường Thành phố (được Ủy ban nhân dân Thành phố chấp thuận tại Công văn số 426/UBND-ĐTMT ngày 27/01/2015):

" Trường hợp đất do Ủy ban nhân dân cấp xã, Tập đoàn, Hợp tác xã đăng ký theo Chỉ thị số 299/TTg nhưng sau đó người dân tự sử dụng (trừ trường hợp chiếm dụng từ ngày 22/4/2002 trở về sau và trường hợp bị xử lý vi phạm thì không xem xét) để sử dụng sản xuất nông nghiệp đến thời điểm triển khai công

tác bồi thường thì được xem xét hỗ trợ, nhưng mức hỗ trợ cao nhất không quá đơn giá bồi thường, hỗ trợ đất nông nghiệp theo chính sách của dự án, Trường hợp tự chuyển mục đích sử dụng sang đất ở thì căn cứ vào thời điểm chuyển mục đích sử dụng để vận dụng Điều 44 và 45 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ, tính hỗ trợ theo loại đất đang sử dụng nhưng phải trừ nghĩa vụ tài chính vì đất có nguồn gốc do Nhà nước trực tiếp quản lý.

Các trường hợp này, về vật kiến trúc và tái định cư áp dụng theo Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được duyệt của dự án ”

Căn cứ phần A, khoản 2, mục b Công văn số 710/HĐTĐBT-TTr ngày 13/8/2015 của Hội đồng thẩm định bồi thường Thành phố (được Ủy ban nhân dân Thành phố chấp thuận tại Công văn số 5008/UBND-ĐTMT ngày 24/8/2015) quy định về thu tiền sử dụng đất:

"Trường hợp sử dụng đất từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004, thu tiền sử dụng đất bằng 100% theo giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định đối với phần diện tích đất trong hạn mức giao đất ở mới; đối với phần diện tích ngoài hạn mức đất ở thu bằng 100% tiền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phù hợp với giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất thực tế trên thị trường tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

- Diện tích đất để tính hỗ trợ là không quá một lần hạn mức (200 m²/hộ).

Ngày 14/3/2016, Ủy ban nhân dân Quận E ban hành Quyết định số 79/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 1912/QĐ-UBND ngày 29/9/2011 của Ủy ban nhân dân Quận E; trong đó hỗ trợ bổ sung cho hộ bà Cao Ngô Thị Tuyết A số tiền là 1.104.726.000 đồng, trong đó: hỗ trợ đất ở mặt tiền O 98m² x 11.300.000 đồng (trừ 100% tiền sử dụng đất) và hỗ trợ vật kiến trúc bằng 40% đơn giá.

Căn cứ mục I phần IV Phương án 06/PABT-HĐBT ngày 13/01/2011 của Hội đồng Bồi thường Thành phố:

"Đất ở mặt tiền O (đoạn từ ngã tư W đến ranh tỉnh Bình Dương) là 14.600.000 đồng/m²".

Vậy, hộ Bà Cao Ngô Thị Tuyết A chiếm dụng và sử dụng 98 m² đất mặt tiền O (đoạn từ ngã tư W đến ranh tỉnh Bình Dương) sau ngày 15/10/1993 trước ngày 22/4/2002. Do đó, được hỗ trợ 98 m² đất ở giá 11.300.000 đồng/m² (14.600.000 đồng/m² trừ 100% tiền sử dụng đất).

** Về vật kiến trúc:*

Căn cứ phần B Điều 1 Quyết định số 129/QĐ-UBND ngày 10/6/2014 của Ủy ban nhân dân Quận E:

"Nhà ở, công trình sinh hoạt xây dựng trên đất không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở theo quy định tại mục II phần III của Phương án số 06/PABT-HĐBT, mà khi xây dựng đã vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được công bố hoặc vi phạm hành lang bảo vệ công trình đã được cấm

mốc thì không được bồi thường. Nếu xây dựng trước ngày 26/7/2004 được tính hỗ trợ bằng 40% đơn giá xây dựng mới. "

Hộ bà A có vật kiến trúc xây dựng trước 26/7/2004 trên đất không đủ điều kiện bồi thường về đất nên được hỗ trợ vật kiến trúc bằng 40% đơn giá.

Hộ Bà Cao Ngô Thị Tuyết A do được hỗ trợ vật kiến trúc bằng 40% giá sau thời điểm ngày 07/01/2013 nên được hỗ trợ lãi suất đối với vật kiến trúc theo quy định tại Công văn số 38/HĐTĐBT-TTr ngày 19/01/2015 của Hội đồng thẩm định bồi thường thành phố (được Ủy ban nhân dân Thành phố chấp thuận tại Công văn số 427/UBND-ĐTMT ngày 27/01/2015).

** Về tái định cư:*

Căn cứ khoản 1 mục III Phần IX Phương án số 06/PABT-HĐBT ngày 13/01/2011 của Hội đồng Bồi thường dự án:

"Đối tượng, điều kiện tái định cư: Hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất ở (đủ điều kiện bồi thường quy định tại mục II phần III của Phương án này và hỗ trợ đất ở quy định tại mục III phần IV của phương án này) thì được bố trí tái định cư. "

Hộ Bà Cao Ngô Thị Tuyết A chỉ được hỗ trợ đất công chiếm dụng nên không đủ điều kiện tái định cư.

Từ những cơ sở trên, ngày 14/3/2016 Ủy ban nhân dân Quận E ban hành Quyết định số 79/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 1912/QĐ-UBND ngày 29/9/2011 của Ủy ban nhân dân Quận E với nội dung hỗ trợ 98 m² đất ở mặt tiền O (đoạn từ ngã tư W đến ranh tỉnh Bình Dương) giá 11.300.000đồng x 100% (14.600.000 đồng/m² trừ 100% tiền sử dụng đất); hỗ trợ vật kiến trúc bằng 40% đơn giá xây dựng mới; hỗ trợ lãi suất đối với vật kiến trúc và giữ nguyên nội dung hộ Bà Cao Ngô Thị Tuyết A không đủ điều kiện tái định cư là đúng quy định; đồng thời bà A đã nhận đủ số tiền theo Quyết định 79/QĐ-UBND ngày 14/3/2016 và Quyết định số 1912/QĐ-UBND ngày 29/9/2011 của Ủy ban nhân dân Quận E với số tiền là 1.117.277.000 đồng. Do đó, việc bà A khởi kiện là không có cơ sở.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 584/2019/HC-ST ngày 04 tháng 06 năm 2019, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 115, Điều 116, khoản 1 Điều 158, Điều 193 Luật tổ tụng hành chính năm 2015.

Các điều luật đã viện dẫn trong Bản án

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về lệ phí án phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của Bà Cao Ngô Thị Tuyết A về yêu cầu hủy một phần Quyết định số 79/QĐ-UBND ngày 14/3/2016 về việc bồi

thường, hỗ trợ, tái định cư do Ủy ban nhân dân Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành đối với bà Cao Ngô Thị Tuyết A.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Bà Cao Ngô Thị Tuyết A về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân Quận E trả tiền lãi trên số tiền bồi thường với thời gian chậm trả từ 25/3/2016 đến 12/7/2017 theo lãi suất chậm trả của Luật Quản lý thuế.

Buộc Ủy ban nhân dân Quận E trả lãi trên số tiền bồi thường theo Quyết định số 79/QĐ-UBND ngày 14/3/2016 với thời gian chậm trả từ 25/3/2016 đến 12/7/2017 theo lãi suất chậm trả của Luật Quản lý thuế.

Ngoài ra, Tòa án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định.

Ngày 12 tháng 6 năm 2019, người khởi kiện Bà Cao Ngô Thị Tuyết A có đơn kháng cáo một phần bản án yêu cầu hủy Quyết định 79/QĐ-UBND ngày 14/3/2016 buộc Ủy ban nhân dân Quận E bồi thường số tiền chênh lệch 3.300.000 đồng/m² đối với diện tích 98m² bị thu hồi. Đề nghị tuyên cụ thể số tiền lãi suất UBND Quận E chậm trả bồi thường.

Ngày 20 tháng 6 năm 2019, người bị kiện Ủy ban nhân dân Quận E có đơn kháng cáo một phần bản án về phần buộc Ủy ban nhân dân Quận E phải trả lãi trên số tiền bồi thường theo Quyết định số 79/QĐ-UBND ngày 14/3/2016 với thời gian chậm trả từ ngày 25/3/2016 đến ngày 12/7/2017 theo lãi suất chậm trả của Luật Quản lý thuế.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa phát biểu: Về tố tụng: Chủ tọa phiên tòa và các thành viên hội đồng xét xử, cũng như các đương sự đã thực hiện đúng quy định pháp luật của luật tố tụng hành chính. Về nội dung: Xét nguồn gốc sử dụng đất là của bà Cao Thị T sử dụng từ sau năm 1980 đến trước năm 1992 có quá trình sử dụng đất ổn định, lâu dài, không bị xử phạt hành chính nên đủ điều kiện bồi thường đối với trường hợp đất được công nhận quyền sử dụng đất. Do vậy, kháng cáo của người khởi kiện về phần hủy phần bồi sung bồi thường, hỗ trợ về đất là có căn cứ, kháng cáo của người khởi kiện về phần yêu cầu tuyên buộc số tiền lãi cụ thể và kháng cáo của người bị kiện không có căn cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ, vụ án đã được thẩm tra tại tòa, qua kết quả tranh luận, nghe lời phát biểu của các đương sự của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa.

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại phiên toà phúc thẩm người bị kiện có kháng cáo đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Do đó, hội đồng xét xử áp dụng Điều 228 Luật tố tụng hành chính xét xử vắng mặt người bị kiện.

[1.2] Về đối tượng khởi kiện: Bà Cao Ngô Thị Tuyết A yêu cầu hủy Quyết định số 79/QĐ-UBND ngày 14/3/2016 của UBND Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh là đối tượng khởi kiện quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật tố tụng hành chính.

[1.3] Về thẩm quyền: Theo Điều 32 Luật tố tụng hành chính, người khởi kiện khởi kiện vụ án hành chính đối với các Quyết định trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.4] Về thời hiệu: Ngày 25/3/2016 Bà Cao Ngô Thị Tuyết A nhận Quyết định số 79/QĐ-UBND ngày 14/3/2016 của UBND Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09/01/2017 bà A nộp đơn khởi kiện là còn thời hiệu theo quy định tại Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét tính hợp pháp của Quyết định 79/QĐ-UBND ngày 14/3/2016 của UBND Quận E (gọi tắt là Quyết định 79)

[2.1.1] Về hình thức của các Quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai năm 2013; Điều 45 Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Ủy ban nhân dân Quận E ban hành Quyết định số 79/QĐ-UBND ngày 14/3/2016 về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với Bà Cao Ngô Thị Tuyết A là đúng thẩm quyền.

[2.2.2] Về nội dung của Quyết định:

Căn cứ vào tài liệu theo Chỉ thị số 299/TTg, Tài liệu 02/CT-UB, căn cứ văn bản xét nguồn gốc đất ngày 26/4/2014 của Hội đồng xét nguồn gốc đất tại UBND phường Đ kết luận nguồn gốc của bà A như sau:

- Đất công do Nhà nước quản lý, bà Cao Thị T chiếm dụng sau năm 1980 trước 15/10/1993. Sau đó cho lại con là Bà Cao Ngô Thị Tuyết A sử dụng đến nay.

- Thời điểm xây dựng nhà ở: Sau năm 1993 trước ngày 22 tháng 4 năm 2002

Do vậy, UBND Quận E ban hành Quyết định số 79/QĐ-UBND ngày 14/3/2016 về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 1912/QĐ-UBND ngày 29/9/2011 của UBND Quận E trong đó hỗ trợ bổ sung cho hộ Bà Cao Ngô Thị Tuyết A số tiền 1.104.762.000 đồng, trong đó: Hỗ trợ đất ở mặt tiền 0 98m² x 11.300.000 m² (trừ đi 100% tiền sử dụng đất) và hỗ trợ vật kiến trúc bằng 40% đơn giá.

+ Để xét tính hợp pháp của Quyết định 79 trước hết phải xét hộ bà A được bồi thường theo trường hợp nào?

Về nguồn gốc: Căn cứ Công văn số 845 ngày 26/4/2014, Hội đồng xét nguồn gốc đất tại UBND phường Đ đã xác định rõ đây là đất công do bà Cao Thị T chiếm dụng sau năm 1980 và trước năm 1992. Như vậy, nguồn gốc đất của hộ bà A đang quản lý, sử dụng là do bà Cao Thị T (mẹ bà A) sử dụng trước năm 1992 để lại. Theo tài liệu 02/CT-UB thể hiện đây là đất do nghĩa trang quản lý nên chứng minh tại sao bà A không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Như vậy, diện tích đất 98m² do bà A quản lý đã được bà T sử dụng công khai, ngay tình trước năm 1993, việc sử dụng ổn định, lâu dài từ sau năm 1980 không bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền nào xử phạt hành chính nên không có cơ sở xác định bà có hành vi lấn chiếm đất. Theo quy định của Luật đất đai đất giao cho cơ quan nhà nước quản lý nhưng họ không quản lý, sử dụng mà người dân quản lý, sử dụng thì họ có đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đến thời điểm thu hồi được bồi thường theo quy định tại Khoản 1 Điều 42 Luật đất đai năm 2003 đối với trường hợp: *“Nhà nước thu hồi đất của người sử dụng đất mà người bị thu hồi đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 50 của Luật này thì người bị thu hồi đất được bồi thường”*.

Và tại khoản 4 Điều 50 Luật đất đai năm 2003 quy định: *“Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không có các loại giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều này nhưng đất đã được sử dụng ổn định từ trước ngày 15 tháng 10 năm 1993, nay được Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn xác nhận là đất không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đã được xét duyệt đối với nơi đã có quy hoạch sử dụng đất thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không phải nộp tiền sử dụng đất”*

+ Về tính giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất:

Về điều kiện được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng được quy định tại khoản 1 Điều 75 Luật đất đai năm 2013 như sau: *“Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không phải là đất thuê trả tiền thuê đất hàng năm, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây gọi chung là Giấy chứng nhận) hoặc có đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này mà chưa được cấp, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 77 của Luật này; người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam mà có Giấy chứng nhận hoặc có đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này mà chưa được cấp”*.

Xét thời điểm sử dụng đất của bà T là sau năm 1980 và trước năm 1992 tức trước tài liệu đo đạc 02/CT-UB của Ủy ban thành phố nên trường hợp này nếu như hộ cá nhân được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì không thu tiền

sử dụng đất nên khi bồi thường không phải khấu trừ quyền sử dụng đất theo quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 6 Nghị định 45/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất khi công nhận quyền sử dụng đất (cấp Giấy chứng nhận) cho hộ gia đình, cá nhân đối với đất đã sử dụng ổn định từ trước ngày 15/10/1993 mà không có một trong các loại giấy tờ quy định tại Khoản 1, Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 như sau: *“Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất có nhà ở, công trình xây dựng khác từ trước ngày 15/10/1993; tại thời điểm bắt đầu sử dụng đất không có một trong các hành vi vi phạm theo quy định tại Điều 22 Nghị định này quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, nếu được cấp Giấy chứng nhận thì thu tiền sử dụng đất như sau:*

Trường hợp đất có nhà ở thì người sử dụng đất không phải nộp tiền sử dụng đất đối với diện tích đất ở đang sử dụng trong hạn mức công nhận đất ở cho mỗi hộ gia đình, cá nhân....”.

Do vậy, UBND Quận E bồi thường cho hộ bà A nhưng khấu trừ 100% tiền sử dụng đất là sai quy định.

Như vậy, bà A kháng cáo yêu cầu hủy một phần Quyết định số 79/QĐ-UBND ngày 14/3/2016 về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư do Ủy ban nhân dân Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành đối với Bà Cao Ngô Thị Tuyết A là có căn cứ cần được chấp nhận.

[2] Đối với số tiền lãi suất UBND Quận E phải trả bà A do chậm chi trả tiền bồi thường:

Ngày 14/3/2016 UBND Quận E ban hành Quyết định bồi thường số 79/QĐ-UBND cho bà A, ngày 25/3/2016 bà A nhận được quyết định nhưng đến ngày 12/7/2017 bà A mới nhận tiền bồi thường. Như vậy, UBND Quận E đã chi trả chậm tiền bồi thường cho bà A, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích của bà. Căn cứ Điểm c, Mục 4 Văn bản 2163/UBND-ĐTMT ngày 21/4/2015 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh quy định về giải quyết chính sách đối với các trường hợp chậm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư có phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được phê duyệt trước ngày 01/7/2014 Tòa án sơ thẩm tuyên buộc UBND Quận E phải có trách nhiệm trả tiền lãi chậm trả từ ngày 25/3/2016 đến ngày 12/7/2017 theo lãi suất chậm trả của Luật Quản lý thuế là có cơ sở. Nhưng bà A kháng cáo đề nghị tòa án cấp phúc thẩm tuyên số tiền lãi cụ thể là 361.908.266 đồng là không cơ sở chấp nhận do đây không phải vụ án dân sự. Đồng thời,, đối với yêu cầu kháng cáo của UBND Quận E về việc không đồng ý thanh toán khoản tiền lãi chậm trả không có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát chấp nhận một phần kháng cáo của người khởi kiện Bà Cao Ngô Thị Tuyết A và không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của UBND Quận E.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do bản án bị sửa nên bà A và UBND Quận E không phải chịu án phí theo quy định.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

I. Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của Bà Cao Ngô Thị Tuyết A.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ủy ban nhân dân Quận E

Sửa bản án sơ thẩm số 584/2019/HC-ST ngày 04 tháng 06 năm 2019, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ Khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm c khoản 2 Điều 116, điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ Luật đất đai năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/3/2004 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại đất đai;

Nghị định 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Bà Cao Ngô Thị Tuyết A:

Hủy một phần Quyết định số 79/QĐ-UBND ngày 14/3/2016 tại Điều 1 của Quyết định về việc điều chỉnh bổ sung Điều 1 Quyết định 1912/QĐ-UBND ngày 29/9/2011 của UBND Quận E với số tiền 1.104.726.000 đồng của hộ Bà Cao Ngô Thị Tuyết A, địa chỉ: 280 Tổ 4, khu phố D, phường Đ, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Buộc Ủy ban nhân dân Quận E thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Bà Cao Ngô Thị Tuyết A về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân Quận E trả tiền lãi trên số tiền bồi thường với thời gian chậm trả từ 25/3/2016 đến 12/7/2017 theo lãi suất chậm trả của Luật Quản lý thuế.

Buộc Ủy ban nhân dân Quận E trả lãi trên số tiền bồi thường theo Quyết định số 79/QĐ-UBND ngày 14/3/2016 với thời gian chậm trả từ 25/3/2016 đến 12/7/2017 theo lãi suất chậm trả của Luật Quản lý thuế.

II. Về án phí:

- Về án phí sơ thẩm:

Bà Cao Ngô Thị Tuyết A không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Bà A được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai số AA/2017/0048263 ngày 29/11/2017 tại Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh

Ủy ban nhân dân Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

- Về án phí phúc thẩm:

Bà Cao Ngô Thị Tuyết A không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Bà A được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai 0025081 ngày 27/6/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

UBND Quận E không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm, được hoàn lại số tiền 300.000 đồng án phí phúc thẩm UBND Quận E đã nộp theo biên lai thu số 0013203 ngày 08/7/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Cục THADS TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VP (3), HS (3) 16b (MTTT)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Huỳnh Thanh Duyên

